ĐỀ CƯƠNG QUAN HỆ QUỐC TẾ

**A: Trình bày, nêu**

**Câu 1: Khái niệm Quan hệ quốc tế và quan hệ chính trị quốc tế**

* Quan hệ quốc tế là sự tương tác trên toàn thế giới giữa các chủ thể ở mọi lĩnh vực

+ chủ thể: quốc gia, cá nhân, tập đoàn xuyên quốc gia,…

+ nội dung: trên mọi lĩnh vực

+ quy mô: toàn thế giới

+ sự tương tác: hợp tác hoặc đấu tranh.

* Quan hệ chính trị quốc tế là quan hệ quốc tế trên lĩnh vực chính trị

**Câu 2: Các nội dung cơ bản của vấn đề mang tính quy luật: Cơ sở hoạt động của các quốc gia trên trường quốc tế là lợi ích quốc gia.**

* Khái niệm lợi ích quốc gia: là việc hiện thực hóa các nhu cầu, khát vọng (an ninh, phát triển, ảnh hưởng) của quốc gia dưới dạng mục tiêu trong QHQT ở một giai đoạn nhất định.
* Để thỏa mãn nhu cầu gìn giữ và phát triển lợi ích quốc gia của mình, các nước trên thế giới đều có 2 xu hướng lớn:

+ Xu hướng tăng cường tiềm lực quốc phòng

+ Xu hướng phát triển kinh tế

* Đối với hầu hết các quốc gia trên thế giới, cả 2 xu hướng trên đều là những xu hướng ưu tiên thực hiện nhằm mục tiêu bảo vệ, thoải mãn và phát triển lợi ích quốc gia trong QHQT

**Câu 3: Mức độ cùng phụ thuộc giữa các quốc gia này càng gia tăng**

* **Sự cùng phụ thuộc trước hết được hiểu là sự cùng chung số phận**

+ trong kỷ nguyên hạt nhân không có chỗ đứng riêng cho các quốc gia, ngay cả quốc gia rất hùng mạnh về quân sự, tất cả các quốc gia đều chung một số phận khi có chiến tranh hạt nhân xảy ra

* Các quốc gia đang có chỗ đứng giống nhau và có một tương lai chung như vậy việc bảo vệ cho hiện tại và tương lai chỉ có thể thực hiện được nhờ sự cùng chung hợp tác.
* **Các quốc gia ngày càng có nhiều lợi ích chung**

+ sự đan xen lợi ích giữa các quốc gia thể hiện ngày càng rõ ràng và số lượng, phạm vi lợi ích chung ngày càng mở rông.

+ để thực hiện các lợi ích chung, vai trò của các thiết chế chung được đẩy mạnh, mở rộng, nhiều tổ chức mới được lập nên => củng cố mối liên hệ, thúc đẩy mức độ quan hệ, mở rộng phạm vi, lĩnh vực quan hệ,…

* Sự hiện diện và phát triển của các tổ chức quốc tế làm tăng thêm sự cùng phụ thuộc giữa các quốc gia.
* **Thế giới đang đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu đòi hỏi cần sự phối hợp giữa các quốc gia.**

+ những vấn đề toàn cầu: biến đổi khí hậu, đói nghèo, khủng bố, dịch bệnh,…đó là những vấn đề mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết một cách triệt để.

+ để giải quyết những vấn đề đó cần có sự hợp tác chặt chẽ của các quốc gia và khu vực trên thế giới.

* **Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ và quá trình toàn cầu hóa về kinh tế, tài chính, thông tin,…đang làm các quốc gia phải phụ thuộc vào nhau.**

**Câu 4: Khái niệm, phân loại, đặc trưng chủ thể quan hệ quốc tế**

* **Khái niệm**: là những thực thể chính trị - xã hội và cá nhân có hoạt động xuyên quốc gia, hoặc có các hoạt động, có tác động hoặc ảnh hưởng xuyên quốc gia, làm nảy sinh và phát triển các mối quan hệ quốc tế.
* **Phân loại**:

**+ Chủ thể nhà nước**: Các quốc gia độc lập, các phong trào giải phóng dân tộc

**+ Chủ thể phi nhà nước**: Tổ chức quốc tế, tập đoàn xuyên quốc gia, phong trào, tổ chức xã hội, tôn giá, cá nhân.

* **Đặc trưng**:

**+** hoạt động xuyên quốc gia, hoạt động có sự tác động, ảnh hưởng xuyên quốc gia.

+ là đối tượng quan tâm của các chủ thể quan hệ quốc tế khác, có khả năng làm ảnh hưởng hoặc phát sinh QHQT

+ có khả năng QHQT, gánh vác trách nhiệm, pháp lý, nghĩa vụ.

**Câu 5: Khái niệm quốc gia**

* (Theo điều 1, Công ước Montevideo, năm 1933) Quốc gia là một thực thể pháp lý quốc tế và phải có các đặc tính sau: lãnh thổ xác định, dân số ổn định, có chính phủ và có khả năng quan hệ với các quốc gia khác.

**Câu 6: Nguyên nhân của xung đột quốc tế**

* Khái niệm: là tình trạng nảy sinh khi hai hay nhiều chủ thể QHQT có mục đích mâu thuẫn với nhau trong cùng 1 vấn đề liên quan.
* Nguyên nhân của xung đột quốc tế:
* **Nguyên nhân chính trị**:

+ Tranh chấp lãnh thổ các quốc gia.

+ Sự khác biệt về hệ tư tưởng, thể chế chính trị

+ Các hành vi thiếu trách nhiệm trong quan hệ quốc tế: Không tôn trọng, tuân thủ tiêu chuẩn, thể chế quốc tế,…

* **Nguyên nhân sắc tộc, tôn giáo**: các xung đột tôn giáo rất phức tạp và khó giải quyết do liên quan đến các chuẩn mực giá trị, đạo đức của các cộng đồng dân tộc, có lịch sử lâu dài và thường liên quan đến nhiều quốc gia, ở các khu vực khác nhau trên thế giới.
* **Nguyên nhân thương mại:**

+ xung đột diễn ra khi một nước cho rằng một nước khác vi phạm thỏa thuận đã cam kết, khi mà mục đích và nguyên tắc cùng có lợi trong quan hệ thương mại không được đảm bảo

+ tranh chấp diễn ra khi có sự khác nhau giữa các quốc gia về tập quán kinh doanh

* **Tranh giành các nguồn tài nguyên**

**Câu 7: Khái niệm và các loại hợp tác quốc tế**

* **Khái niệm:** là sự phối hợp hòa bình giữa các chủ thể quan hệ quốc tế nhằm thực hiện các mục đích chung.
* **Phân loại:**
* Dựa trên lĩnh vực hoạt động

+ hợp tác kinh tế

+ hợp tác chính trị

+ hợp tác quân sự

+ hợp tác văn hóa

* Kinh tế và chính trị là quan trọng nhất vì đây là 2 lợi ích quốc gia cơ bản trong quan hệ quốc tế
* Dựa trên số lượng chủ thể tham gia:

+ hợp tác song phương (2 chủ thể QHQT)

+ hợp tác đa phương (3 chủ thể QHQT)

* Dựa theo quy mô không gian:

+ Hợp tác khu vực (hợp tác giữa các quốc gia trong 1 phạm vi không gian địa lý nào đó)

+ Hợp tác toàn cầu (hợp tác của các nước trên quy mô thế giới)

**Câu 8: Những đặc trưng, vai trò của tổ chức quốc tế**

* **Khái niệm**: là thể chế có thầm quyển xác định, được thành lập trên cơ sở thỏa thuận và nhằm mục đích hợp tác qua biên giới.
* **Đặc trưng**:

+ Ý chí hợp tác được thể hiện trong các văn bản thành lập (tuyên bố chung, hiệp định,…)

+ bộ máy thường trực (ban thư ký, ủy ban thường trực,…) giúp duy trì hoạt động thường xuyên

+ có tính tự trị và thẩm quyền đối với các quyết định của mình (do các thành viên thoải thuận nhượng bớt quyền hạn của mình để trao cho tổ chức)

+ có hoạt động xuyên quốc gia

* **Vai trò**:

+ tổ chức quốc tế phi chính phủ:

* Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực hay vấn đề nào đó
* Năng lục được tạo dựng bởi nguồn nhân lực và tài lực riêng, có thẩm quyền riêng
* ảnh hưởng trong QHQT có xu hướng tăng lên

+ tổ chức quốc tế liên chính phủ:

* đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc tế.
* có thành viên trong tổ chức đều có thể liên kết với nhau về mọi mặt, tất cả các lĩnh vực

B: Phân tích

**Câu 1: Khái niệm lợi ích quốc gia**

* Đây là thuộc tính cơ bản và cốt lõi của Quan hệ quốc tế
* Khái niệm: là việc hiện thực hóa các nhu cầu, khát vọng (an ninh, phát triển, ảnh hưởng) của quốc gia dưới dạng mục tiêu trong QHQT ở một giai đoạn nhất định
* Lợi ích quốc gia nảy sinh cùng sự ra đời của nhà nước, nhà nước với chức năng đối ngoại của mình được sinh ra để thực hiện lợi ích quốc gia.
* Lợi ích quốc gia có sự vận động cùng với quá trình hình thành và phát triển quốc gia.
* Phân loại lợi ích quốc gia:

+ Dựa trên mức độ quan trong đối với quốc gia: lợi ích sống còn hay lợi ích cốt lõi – lợi ích quan trọng – lợi ích thứ yếu.

+ Dựa trên quy mô thời gian: lợi ích chiến lượng hay lợi ích lâu dài – lợi ích trung – lợi ích ngắn hạn

+ Dựa trên quy mô không gian: lợi ích tổng thể - lợi ích cụ thể

+ Dựa trên khả năng chia sẻ với các quốc gia khác: lợi ích riêng – lợi ích chung

+ Dựa trên lĩnh vực: lợi ích chính trị - lợi ích kinh tế - lợi ích an ninh,…

+ Dựa trên so sánh: lợi ích tuyệt đối – lợi ích tương đối.

* Nội dung của lợi ích quốc gia:

+ Đại thể: cơ bản là giống nhau, các nước đều hướng tới lợi ích an ninh và phát triển của quốc gia.

+ Cụ thể: có sự khác nhau giữa các quốc gia khi phụ thuộc nhiều vào tình hình trong nước, bối cảnh quốc tế, địa vị trong QHQT, năng lực thực hiện lợi ích,…=> Tạo ra nên sự đa dạng và tính phức tạp trong QHQT

* Tác động của lợi ích quốc gia đến QHQT:

+ thứ nhất, lợi ích quốc gia trở thành định hướng chính sách và sự hướng dẫn hành vi quốc gia trong QHQT

+ thứ hai, lợi ích quốc gia là yếu tố quy định hợp tác và xưng đột trong QHQT

+ thứ ba, lợi ích quốc gia là động cơ thúc đẩy sự vận động và phát triển của QHQT khi mọi quốc gia đều tìm cách mở rộng QHQT nhằm thực hiện lợi ích của mình

+ thứ tư, lợi ích quốc gia là yếu tố góp phần và thúc đẩy các xu hướng lớn trong đời sống quốc tế.

* Lợi ích quốc gia luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với mọi quốc gia bởi liên quan trực tiếp đến sự tồn vong và phát triển quốc gia.

**Câu 2: Khái niệm sức mạnh quốc gia, những yếu tố cấu thành sức mạnh quốc gia.**

* **Khái niệm**: là tổng hợp khả năng của quốc gia (vô hình và hữu hình, nhân tố tự nhiên và nhân tố xã hội, nhân tố dân số và nhân tố lãnh thổ) nhằm tác động và ảnh hưởng ra bên ngoài để thực hiện lợi ích quốc gia.
* **Những yếu tố cấu thành sức mạnh quốc gia**, bao gồm các nhân tố vật chất (phần cứng); tinh thần (phần mềm) ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế

+ Phần cứng (phần hữu hình) còn gọi là sức mạnh cứng chủ yếu gồm:

* Lãnh thổ: vị trí địa lý của quốc gia, tính quan trọng về giao thông, quân sự quốc tế, diện tích, địa hình, địa mạo.
* Tài nguyên thiên nhiên: đất đai, rừng, biển, nguồn nước, khoáng sản,...
* Dân số: số lượng và chất lượng dân, cấu trúc dân cư (giới tính, độ tuổi trung bình, dân tộc, tôn giáo,…)
* Kinh tế, chủ yếu là GDP và cơ cấu kinh tế
* Cơ sở hạ tầng: giao thông vận tải, thông tin liên lạc, xây dựng đô thị

+ Phần mềm (phần vô hình) còn gọi là sức mạnh mềm

* Năng lực của hệ thống chính trị
* Quan hệ đối ngoại với đa số các nước khác, cống hiến quốc tế
* Văn hóa, truyền thống, tập quán

**Câu 3: Khái niệm chủ quyền quốc gia. Phân tích một ví dụ minh họa về việc xâm phạm và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên thực tiễn hiện nay**

* **Khái niệm**: là quyền tối cao của một nhà nước độc lập, thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của mình.
* Ví dụ minh họa: **Vụ việc Trung Quốc tiến hành tập trận ở khu vực quần đảo Hoàng Sa xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam.**

**+** Cục Hải sự tỉnh Hải Nam (Trung Quốc) thông báo tập trận quân sự ngày 19/6 tại khu vực nằm trong lãnh hải 12 hải lý của đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

**+** Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng nêu rõ việc Trung Quốc tiến hành tập trận ở khu vực quần đảo Hoàng Sa xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo này, đi ngược với tinh thần tuyên bố ứng xử của các bên ở Biền Đông, gây phức tạp tình hình, không có lợi cho quá trình đàm phán hiện nay giữa Trung Quốc và ASEAN về Bộ quy tắc ứng xử giữa các bên ở Biển Đông và việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác ở Biển Đông.

**+** Người phát ngôn Lê Thị Thu Hằng nhấn mạnh lập trường của Việt Nam đã được thể hiện rõ ràng và đầy đủ trong công hàm số 22/HC-2020 ngày 30/3/2020 lưu hành tại Liên Hiệp Quốc. Theo đó, Việt Nam khẳng định chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phù hợp với luật pháp quốc tế cũng như chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam đối với các vùng biển được xác định phù hợp với Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982.

**“Việt Nam cho rằng các nước đều chia sẻ nguyện vọng và mục tiêu chung là duy trì và thúc đẩy hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển tại Biển Đông, giải quyết các tranh chấp trên cơ sở luật phát quốc tế, Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982. Việt Nam luôn đóng góp tích cực và các trách nhiệm vào quá trình này”**

**Câu 4: Những quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia trong quan hệ quốc tế.**

* Các quyền cơ bản của quốc gia bao gồm:

+ quyền bình đẳng về chủ quyền và quyền lợi

+ quyền được tự vệ cá nhân hoặc tự vệ tập thể

+ quyền được tồn tại trong hòa bình và độc lập

+ quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ

+ quyền được tham gia vào việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế

+ quyền được tự do quan hệ với các chủ thể khác của luật quốc tế

+ quyền được trở thành thành viên của tổ chức quốc tế phổ biến

* Tương ứng với các quyền cơ bản nêu trên, quốc gia có các nghĩa vụ quốc tế cơ bản:

+ Tôn trọng chủ quyền của các quốc gia

+ tôn trọng sự bất khả xâm phạm lãnh thổ cuae các quốc gia khác

+ không áp dụng vũ lực và đe dọa bằng vũ lực

+ không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau

+ hợp tác hữu nghị với các quốc gia khác nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

+ tôn trọng nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ quốc tế

+ tôn trọng những quy phạm jus cogens và những cam kết quốc tế

+ giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các phương pháp hòa bình

Phần 3: Phân tích, giải thích qua các minh chứng thực tế

**Câu 1: Khái niệm các vấn đề toàn cầu. Lấy ví dụ thực tiễn minh họa**

* **Khái niệm**: dùng để chỉ những vấn đề mà tác động của nó có liên quan trực tiếp đến từng con người, đến vận mệnh của tất cả các dân tộc không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, biên giới quốc gia
* **Ví dụ minh họa**

+ **Vấn đề môi trường**: Biến đổi khí hậu là một những vấn đề nghiêm trọng cần được giải quyết. Nhiệt độ toàn cầu đang tăng và ước tính sẽ tăng từ 2,6 độ C lên 4,8 độ C vào năm 2100

+ **Vấn đề dịch bệnh**: Đại dịch Covid-19 bùng phát tại Vũ Hán, Trung Quốc rồi lan rộng ra toàn cầu, trở thành một cuộc khủng hoảng y tế. Tính đến tháng 2/2023 toàn thế giới có hơn 755 triệu ca nhiễm và hơn 6,8 triệu trường hợp tử vong.

+ **Vấn đề khủng bố**: 13 năm sau cuộc khủng bố tồi tệ tại nước Mỹ, thế lực khủng bố ngày càng trỗi dậy mạnh mẽ và chưa bao giờ thôi là mối đe dọa với thế giới, kể cả sau khi trùm khủng bố Al-Qaeda, Bin La-đen bị tiêu diệt.

**Câu 2: Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “Đấu tranh bảo vệ môi trường sống”**

1. **Khái niệm**

* Hoạt động bảo vệ môi trường là hành động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường, ứng phí sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

1. **Thực trạng ô nhiễm môi trường**

* Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay trên thế giởi xảy ra ở khắp mọi nơi và trở thành vấn đề đáng báo động cho toàn thế giới

+ **Biến đổi khí hậu**: vấn đề này đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, minh chứng rõ nhất là nhiều quốc gia đã ghi nhận được mức nóng kỉ lục, tình hình mưa bão diễn ra thất thường, một số nơi gặp phải tình trạng hạn hán kéo dài nghiêm trọng. Không chỉ gây ra hiện tượng thời tiết thất thường nó còn dẫn đến nhiều vấn đề khác ảnh hưởng như: nước biển dâng, giảm đa dạng sinh học do nhiều loài vật bị tiệt chủng,…

+ **Ô nhiễm không khí**: càng trở nên nghiêm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động sản xuất của con người: quá trình công nghiệp hóa, khí thải từ các phương tiện cơ giới, khi thải từ các nhà máy nhiệt điện trong quá trình đốt than,…

+ **Ô nhiễm rác thải nhựa**: với sự tiện lợi và dễ dàng sản xuất, nhựa trở thành rác thải gây nguy hại nghiêm trọng đến môi trường toàn cầu. Nó đã gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đất, môi trường nước vì tính chất khó phân hủy; vi nhựa khiến nhiều sinh vật biển biến mất hoặc tiệt chủng, môi trường đất khó phát triển,…

+ **Băng tan và mực nước biển dâng**: hiện tượng băng tan đã làm cho nước biển dâng, thải ra nhiều metan và CO2, làm ảnh hưởng đến môi trường sống của nhiều loại sinh vật, đồng thời xuất hiện thêm nhiều vi khuẩn tiềm ẩn nguy cơ phát triển nhiều căn bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến cuộc sống con người.

+ **Lãng phí tài nguyên thiên nhiên**: hiện nay nhiều mỏ tài nguyên trên thế giới đã bị khai thác cạn kiệt.

1. **Các hướng giải quyết**

* **Đối với cá nhân:**

**+** nâng cao ý thức mỗi người về bảo vệ môi trường, cần hiểu được việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả mọi người.

+ thực hiện một số hành dộng thiết thực như: vứt rác đúng nơi quy định, giảm sử dụng túi nilong, trồng và bảo vệ canh xanh, ưu tiên các nguồn năng lượng sạch,…

* **Đối với quốc gia**:

+ mỗi quốc gia khác nhau với điều kiện sống khác nhau sẽ đưa ra những chính sách riêng phù hợp với mỗi quốc gia.

+ có chế tài xử lí nghiêm với các hành vi phá hoại môi trường

+ hạn chế phát triển các ngành công nghiệp có nhiều chất độc hại, tăng cường nghiên cứu sử dụng những năng lượng mới không có chất độc lại

+ chủ động tham gia các cam kết toàn cầu và hợp tác khu vực về bảo vệ môi trường

* **Phát huy và thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương**

+ hợp tác với các đối tác trọng tâm như: Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP),…

+ tiếp tục đề xuất, thực hiện và quản lý các dự án trong các lĩnh vực biến đổi khí hậu, môi trường, biển đảo, tài nguyên nước trong khuôn khổ các hợp tác,…

+ thúc đẩy kí kết tham gia thỏa thuận quốc tế bao gồm: Quỹ thông tin đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF), Hiệp hội Khí hậu và Không khí sạch (CCAC), diễn đàn khoa học chính sách liên chính phủ về đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái (IPBES), đối tác không khí sạch châu Á – Thái Bình Dương (APCAP).

**Câu 3: Thực trạng về vấn đề bệnh tật hiểm nghèo trên thế giới**

1. Khái niệm

Theo Nghị định số 76/2003/NĐ-CP ngày 27/6/2003 của Chính phủ quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thì người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng, như: Ung thư, bại liệt, xơ gan cổ trướng, phong hủi, lao nặng, nhiễm HIVđã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tếcoi là bệnh hiểm nghèo.

2. Thực trạng

•Ung thư: Ung thư từ ngàn xưa đến nay, vẫn luôn là nỗi sợ hãi của mọi người, người bệnh bị ung thư luôn nghĩ là án tử đến với mình. Theo số liệu thống kê của cơ quan nghiên cứu ung thư quốc tế (IACR, thuộc WHO) vừa công bố về tình hình ung thư hiệu chỉnh theo độ tuổi của 185 quốc gia, vùng lãnh thổ năm 2020 thì so với năm 2018, thế giới ghi nhận thêm hơn 2 triệu ca mắc mới ung thư, lên gần 19,3 triệu ca và số ca tử vong tăng từ 9,6 triệu ca (2018) lên 9,96 triệu ca (2020). Tại Việt Nam, ước tính có 182.563 ca mắc mới và 122.690 ca tử vong do ung thư. Cứ 100.000 người thì có 159 người chẩn đoán mắc mới ung thư và 106 người tử vong do ung thư.

•Bại liệt: Một báo cáo vào năm 1952 đã ghi nhận vào khoảng 58.000 ca bệnh trên chỉ riêng nước Mỹ. 1/3 trong số đó để lại di chứng bại liệt, và 3000 trong số đó đã tử vong. Không có một phương thuốc nào có thể chữa trị được căn bệnh bại liệt, nhưng vacxin phòng bại liệt đã ra đời từ những năm 1950. Việt Nam cũng đã công bố tiêu diệt hoàn toàn căn bệnh này vào năm 2000. Hiện nay, bại liệt chỉ còn tồn tại ở một số quốc gia đang phát triển ở châu Á và châu Phi.

•HIV: HIV là một căn bệnh hiểm nghèo nhức nhối mà nhân loại đang phải đối mặt. Sau 40 năm kể từ khi thế giới có ca nhiễm đầu tiên, đến nay trên thế giới có khoảng gần 38 triệu người nhiễm HIV. Ở Việt Nam con số này khoảng hơn 220.000 người nhiễm. Số người nhiễm HIV mới hằng năm vào khoảng hơn 10.000 người. Đường lây qua quan hệ tình dục không an toàn là chủ yếu. Tỷ lệ lây nhiễm qua quan hệ tình dục không an năm 2020 đã tăng lên 75% và năm 2021 con số này là 79,1%. Điều đáng báo động là lây nhiễm HIV trong giới trẻ đang gia tăng và gia tăng nhanh trong nhóm MSM (nam quan hệ tình dục đồng giới).

•Bệnh lao: Bệnh lao vẫn còn là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ 2 trong các bệnh nhiễm trùng, với khoảng 10 triệu bệnh nhân lao mới hàng năm và khoảng 1.4 triệu người tử vong do Lao trên toàn cầu. Việt Nam hiện vẫn là nước có gánh nặng bệnh lao cao, là một trong 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất thế giới. Hơn 172.000 người đã mắc bệnh và 10.400 người chết vì bệnh lao (báo cáo của WHO năm 2020). Trong số đó, 63% bệnh nhân lao thường, 98% bệnh nhân lao kháng thuốc và gia đình đối mặt với những chi phí thảm họa (chi phí cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh lao vượt quá 20% thu nhập hàng năm của cả hộ gia đình). 70% người mắc lao ở trong độ tuổi lao động. Vì vậy, lao thực sự là một vấn đề ảnh hưởng đến kinh tế từng gia đình nói riêng và đất nước nói chung.

**Câu 4: Các giải pháp để ngăn ngừa, đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo**

\* Đối với cộng đồng, xã hội:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của mọi người về việc nâng cao sức khỏe của bản thân, nâng cao sức đề kháng, ý thức tự bảo vệ bản thân khỏi dịch bệnh.

- Có thể tuyên truyền bằng nhiều hình thức truyền thông, như thông qua âm nhạc, báo đài hay tranh ảnh, poster, video quảng cáo, phim…

- Bên cạnh đó, cần có biện pháp tuyên truyền khuyến khích người dân tham gia tiêm chủng vắc xin phòng chống dịch bệnh đúng lịch và đầy đủ.

- Giáo dục nâng cao nhận thức, kiến thức của trẻ em, học sinh sinh viên về dịch bệnh và cách bảo vệ sức khỏe của bản thân.

\* Đối với các quốc gia:

- Mỗi quốc gia nói riêng cần có những biện pháp ứng phó thích hợp, kịp thời với tình hình dịch bệnh để tránh bùng phát, lây lan, hạn chế tối đa tổn thất.

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra.

- Ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng. Tăng số vacxin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách.

- Thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh. Có cơ chế, lộ trình phù hợp, từng bước thực hiện để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Các quốc gia cần hỗ trợ lẫn nhau trong việc chung tay phòng chống dịch bệnh.

\* Đối với mỗi cá nhân:

- Mỗi người dân cần chủ động đi tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch để phòng chống các loại dịch bệnh. Đặc biệt, cần chủ động cho trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ.

- Mỗi cá nhân cần có ý thức thực hiện tốt vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường sống thường xuyên, sử dụng nước sạch và thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm (thựchiện ăn sạch, ở sạch, uống sạch);

- Tích cực tập luyện thể dục thể thao, có chế độ ăn uống phù hợp để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng của bản thân.

- Khi phát hiện có các dấu hiệu nghi bị bệnh có tính lây lan theo khuyến cáo của ngành y tế, người dân cần đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được chẩn đoán và điều trị.

**Câu 5: Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “bùng nổ dân số”**

\* Khái niệm: là hiện tượng dân số tăng nhanh và đột biến trong một khoảng thời gian ngắn. Bản chất của bùng nổ dân số đó chính là sự tăng lên nhanh chóng một cách đột biến về số lượng người sinh sống trong phạm vi của một quốc gia, khu vực hay nói rộng ra là sự gia tăng trên phạm vi toàn cầu

\*Thực trạng:

- Dân số thế giới đã có những giai đoạn bùng nổ với một tốc độ khá chóng mặt.

+ Bùng nổ dân số xảy ra vào những năm 50 của thế kỉ XX. Vào thời kì này, tỉ lệ gia tăng bình quân hàng năm của dân số thế giới lên đến 2,1 %. Bùng nổ dân số xảy ra chủ yếu ở các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

+ Dân số toàn cầu đạt 8 tỷ người vào ngày 15/11/2022 và Ấn Độ dự kiến vượt qua Trung Quốc trở thành quốc gia đông dân nhất thế giới vào năm 2023.

+ Theo báo cáo Triển vọng Dân số Thế giới 2019 của Liên Hợp Quốc (UN), dân số thế giới hiện là khoảng 7,7 tỷ người và được dự báo sẽ tăng thêm 2 tỷ người vào năm 2050.

- Các khu vực khác nhau trên thế giới có sự tăng trưởng dân số hàng năm khác nhau. Dân số tăng nhanh ở khu vực các nước nghèo, kém ptrien; tỷ lệ gia tăngdân số thấp ở các nước ptrien.

- Nguyên nhân là do ở một số nước phương Đông, vẫn giữ quan niệm lạc hậu sinh nhiều con, vấn đề trọng nam khinh nữ thể hiện rõ rệt trong nhiều gia đình, muốn sinh con trai hoặc đã sinh nhiều con gái nhưng vẫn muốn co thêm cho đến khi có thêm con trai.

\*Các hướng giải quyết

- Kiểm soát tỷ lệ sinh:

+ Một số quốc gia Châu Á như TQ đã sd các biện pháp mạnh để giảm tỷ lệ sinh – Chính sách một con.

VD: Ban hành Quyết định 216-CP ngày 26/12/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc sinh đẻ có hướng dẫn đã đánh dấu sự ra đời của công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở nước ta. Quyết định này đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên ở châu Á tiến hành công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

+ Ted Turnur đã cho rằng LHQ cần phải áp dụng nghiêm ngặt một số biện pháp hạn chế sinh sản.

- Giáo dục và tuyên truyền: Tập trung vào giáo dục, tuyên truyền về các hậu quả của vấn đề bùng nổ dân số. Tuyên truyền lợi ích của kế hoạch hóa gia đình. Tuyên truyền các phương pháp kiểm soát sinh sản, các lợi ích của việc sinh vừa đủ con. Tuyên truyền về bình đẳng giới, loại bỏ các hủ tục và quan điểm lạc hậu.

-Biện pháp kinh tế:

+Giảm tỉ lệ gia tăng dân số.

+Phát triển kinh tế.

+Nâng cao dời sống người dân.

+Tạo việc làm cho các hộ nghèo

- Định cư ngoài trái đất: Thập niên 1970, Gerard O’Neill đã đề xuất những nơi sinh sống ngoài vũ trụ có thể đáp ứng gấp 30,000 lần khả năng của trái đất